

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HS-ST

Ngày 05-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Minh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Đào và bà Phạm Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Niê Đoan Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2018/HSST, ngày 25/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HS, ngày 25 tháng 10 năm 2018 đối các với bị cáo:

1. Trần Công B, sinh năm 1937, tại Quảng Nam; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 02/10; Con ông Trần Công Đ và bà Hồ Thị Y (Đều đã chết); Có vợ Nguyễn Thị N (Đã chết); Bị cáo có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 1969, con nhỏ nhất sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Sinh năm 1937, từ nhỏ sinh sống tại huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Năm 1971 chuyển đến sinh sống và lập gia đình tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông cho đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày khởi tố bị can (Bị cáo vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Phan Đình C, sinh năm 1952, tại Quảng Nam; Nơi cư trú: Thôn Đức Hòa, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 08/12; Con ông Phan C và bà Nguyễn Thị Q (Đều đã chết); Có vợ Trần Thị T, sinh năm 1958; Bị cáo có 06 người con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Sinh năm 1952, từ nhỏ sinh sống tại huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Năm 1969, tham gia lực lượng du kích thuộc huyện Tiên Cẩm, tỉnh Quảng Nam, tháng 10 năm 1970 bị thương,

được Chủ tịch nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì, được Bộ Lao động và thương binh xã hội công nhận thương binh 2/4. Năm 1982 lập gia đình. Tháng 10/1993 chuyển đến sinh sống và lập gia đình tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày khởi tố bị can (Bị cáo có mặt).

3. Trần C, sinh năm 1959, tại Quảng Nam; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 08/12; Con ông Trần C và bà Nguyễn Thị Đ (Đều đã chết); Có vợ Lộ Thị T, sinh năm 1963; Bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Sinh năm 1959 còn nhỏ sinh sống cùng bố, mẹ tại tỉnh Quảng Nam. Năm 1971 chuyển đến sinh sống và lập gia đình tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày khởi tố bị can (Bị cáo có mặt).

4. Bùi Sỹ B, sinh năm 1977, tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 06/12; Con ông Bùi Sỹ T (Đã chết) và bà Phạm Thị L, sinh năm 1934; Có vợ Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1982; Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án: 01 tiền án về tội đánh bạc; Tiền sự: Không; Nhân thân: Sinh năm 1977, từ nhỏ sinh sống tại xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1998 chuyển đến sinh sống tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Ngày 04/4/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, tại bản án số 26/20017/HSST (Bị cáo đã chấp hành xong). Ngày 13/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đắk M, tỉnh Đắk Nông xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 tại bản án số 23/2016/HSST, ngày 25/6/2017 chấp hành xong hình phạt (Bị cáo chưa được xóa án tích). Ngày 26/5/2018 tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội Đánh bạc cùng đồng bọn, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày khởi tố bị can (Bị cáo có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

- **Người làm chứng:**

1. Ông Doãn Bá Quốc V, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. (có mặt)

2. Ông Trần Thanh H, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. (có mặt)

3. Ông Nguyễn Quốc Q, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. (có mặt)

4. Ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1953; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

5. Ông Võ L, sinh năm 1953; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. (có mặt)

6. Ông Lê Văn H, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. (có mặt)

7. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

8. Ông Trần Văn T, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Thôn Đức An, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. (có mặt)

9. Ông Huỳnh Quốc T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn Thuận Nam, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Công B (sinh năm 1937); Phan Đình C (sinh năm 1952); Trần C (sinh năm 1959); Bùi Sỹ B (sinh năm 1977) là những đối tượng có hộ khẩu thường trú tại xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Khoảng 14 giờ ngày 26/5/2018, Trần Công B, Phan Đình C, Trần C đến nhà anh Nguyễn Văn Thắng (sinh năm 1974, trú tại thôn T, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông chơi cờ tướng. Tại đây, Trần Công B, Phan Đình C, Trần C rủ nhau đánh bài, Trần Công B nhờ anh Nguyễn Văn Thắng đi mua 03 bộ bài, sau khi mua bài về anh Nguyễn Văn Thắng trải chiếu, mền xuống nền nhà rồi đi đi ngủ, còn Trần Công B, Phan Đình C, Trần C đánh bài đến khoảng 14^h15^p cùng ngày các đối tượng chuyển sang đánh bạc với hình thức đánh bài Xi tố .

Về hình thức đánh bạc cụ thể như sau: Các con bạc sử dụng 28 lá bài trong bộ bài Tú Lơ Khơ (52 lá) gồm các lá bài 8, 9, 10, J, Q, K, A có bốn chất Cơ, Rô, Chuồn, Bích, các lá bài còn lại bỏ không sử dụng mà chỉ lấy một vài lá bài dùi 02 lỗ ở hai góc chéo của lá bài để làm lá bài dò xem bài khi bốc bài lên. Sau đó, mỗi người chơi bỏ ra chiếu bạc trước mặt mình 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) gọi là tiền “Tây” để bắt đầu chơi. Sau khi có tiền “Tây” một người chơi đứng ra chia bài, không có ai được coi là cái mà tất cả đều là con bạc như nhau. Bắt đầu chơi mỗi người chơi được chia 02 lá bài, trong đó lật ngửa 01 lá bài còn 01 lá bài úp, nếu người chơi nào có lá bài lật ngửa lớn nhất (theo thứ tự từ lá bài A tới lá bài 8, từ chất Cơ tới chất Bích) sẽ là được “tố” (đặt cược) đầu tiên với số tiền tố thấp nhất là 10.000 đồng (mười nghìn đồng), người chơi tiếp theo theo chiều ngược chiều kim đồng hồ có quyền theo tố, tố thêm hoặc úp bài bỏ cuộc. Nếu ai theo tố, tố thêm thì tiếp tục rút bài cho đến khi mỗi người

cầm đủ 5 lá bài thì dừng lại so bài với nhau xem bài ai lớn, cụ thể theo quy định thứ tự từ lớn nhất đến bé nhất như sau: Tứ Quý là bốn lá bài cùng loại, một lá bài khác loại (ví dụ: bốn lá bài 8 hoặc bốn lá bài A). Đồng Hoa là năm lá bài có cùng một chất (ví dụ: các lá bài 8, 10, J, Q, A cùng chất Cơ, hoặc các lá bài 8, 9, 10, J, Q cùng chất Bích). Suốt là năm lá bài khác loại liên tục trong dãy từ lá bài 10 đến lá bài A không cùng một chất (ví dụ: gồm dãy các lá bài 10 cơ, lá bài J chuồn, lá bài Q cơ, lá bài K bích, lá bài A rô). Sầu hay còn có tên gọi khác là ba cây và một đôi là ba lá bài cùng loại, hai lá khác cùng loại (ví dụ: ba lá bài 8, hai lá bài 9 hoặc ba lá bài A, hai lá bài K). Ba Cây là ba lá bài cùng loại, hai lá bài khác loại (ví dụ: ba lá bài 8, một lá bài 9, một lá bài J). Hai Đôi là hai lá bài cùng loại, hai lá bài khác cùng loại, một lá bài còn lại khác loại (ví dụ: hai lá bài 8, hai lá bài 9, một lá bài 10). Một Đôi là hai lá bài cùng loại, ba lá bài khác loại (ví dụ: hai lá bài 8, một lá bài 9, một lá bài 10, một lá bài Q). Là trường hợp là năm lá bài khác loại, khác chất và không liên tục với nhau. Nếu so sánh giá trị theo nhóm bài (Tứ quý, Đồng Hoa, Suốt, Sầu, Ba cây, Hai đôi, Một đôi) mà vẫn bằng nhau thì tiếp tục so sánh đến giá trị của lá bài theo thứ tự từ lớn đến nhỏ là: lá bài A, K, Q, J, 10, 9, 8 và theo thứ tự chất là Cơ, Rô, Chuồn, Bích. Sau khi so bài xong, ai thắng sẽ được ăn toàn bộ số tiền đã cá cược của ván bài này và chia bài, tiếp tục ván mới, người thắng sẽ được rút đầu tiên và tổ trước tiên. Chơi được một lúc thì có Bùi Sỹ B đến chơi hết số tiền mang theo là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) thì nghỉ không chơi nữa và ngồi xem. Trong quá trình đánh bài, các con bạc tự thỏa thuận với nhau nếu ai ăn ván bài có nhiều tiền thì bỏ ra từ 10.000 đồng (mười nghìn đồng) đến 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) gọi là tiền “Xâu” dùng để mua nước, thuốc, bài.

Đến 16^h 30^p cùng ngày, thì bị lực lượng Công an huyện Đắk Mil bắt quả tang Trần Công B, Phan Đình C, Trần C đang đánh bạc, thu giữ trên chiếu bạc gồm: số tiền 7.630.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng); 140.000 đồng (Một trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền Xâu được để trong ca nhựa màu trắng; 28 lá bài tú lơ khơ đang được sử dụng, 05 lá bài đã được đục 02 lỗ trên lá và 71 lá bài tú lơ khơ khác đang để trên chiếu bạc, 01 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng; 01 chiếc chiếu cói; 01 cái mền và 01 chiếc ca nhựa. Ngoài ra, Công an huyện Đắk Mil còn thu giữ trên người của Trần Công B 6.912.000 đồng (Sáu triệu chín trăm mười hai nghìn đồng), Phan Đình C 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng), Trần C 11.559.000 đồng (Mười một triệu năm trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 53/CTr – VKS ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố các bị cáo Trần Công B, Phan Đình C, Trần C, Bùi Sỹ B về tội “*Đánh bạc*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng

như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Công B, Phan Đình C, Trần C, Bùi Sỹ B về tội “*Đánh bạc*”, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, o khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Công B từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Đình C từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần C từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Sỹ B 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47; Điều 48 của Bộ luật hình sự; Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

- Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại số tiền 6.912.000 đồng (Sáu triệu chín trăm mười hai nghìn đồng) cho Trần Công B, 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) cho Phan Đình C, 11.559.000 đồng (Mười một triệu năm trăm năm mươi chín nghìn đồng) cho Trần C, 01 chiếc chiếu cói; 01 cái mền và 01 chiếc ca nhựa cho Nguyễn Văn T, là các chủ sở hữu hợp pháp do không liên quan đến việc phạm tội.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.770.000 đồng được sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ; 104 lá bài tú lơ khơ do các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Các bị cáo không bào chữa, không tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt khi được nói lời sau cùng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi khách quan và hậu quả do hành vi khách quan của các bị cáo gây ra, bị cáo khai nhận như sau:

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Công B, Phan Đình C, Trần C, Bùi Sỹ B đã khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các chứng cứ, tài liệu thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng từ 14^h15' đến 16^h30' ngày 26/5/2018, tại nhà anh Nguyễn Văn T, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Trần Công B, Phan Đình C, Trần C, Bùi Sỹ B đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài xì tố với số tiền luân chuyển trên chiếu bạc và sử dụng vào mục đích đánh bạc là 7.770. 000đồng (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở pháp lý để kết luận các bị cáo Trần Công B, Phan Đình C, Trần C, Bùi Sỹ B đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Điều 321 của bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. ...”.

[3] Đánh giá tính chất vụ án:

Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do háms lợi và xem thường pháp luật của Nhà nước nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài Xì tố với số tiền luân chuyển trên chiếu bạc và sử dụng vào mục đích đánh bạc là 7.770. 000đồng. Hành vi đánh bạc của các bị cáo là tệ nạn xã hội, là nguyên nhân gây ra các hậu quả nghiêm trọng khác, gây tác hại

xấu cho xã hội về nhiều mặt. Vì vậy nên cần xử phạt các bị cáo một hình phạt đủ nghiêm để giáo dục cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Trong vụ án này mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo là ngang nhau, nhưng nhân thân của các bị cáo có khác nhau. Do đó khi định tội, lượng khung hình phạt cần phải xem xét nhân thân, hoàn cảnh của từng bị cáo mới bảo đảm sự công bằng pháp luật.

Đối với bị cáo Bùi Sỹ B là người đến chơi đánh bạc sau các bị cáo Ba, Cường, Can, tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu, từng bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt về hành vi đánh bạc chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, sửa chữa mình mà bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần xử phạt bị cáo B mức hình phạt cao hơn các bị cáo Ba, Cường, Can là phù hợp.

Đối với bị cáo Trần Công B, Phan Đình C, Trần C tham gia vào việc đánh bạc dưới hình thức đánh bài Xì tố từ khi bắt đầu đến lúc bị Công an huyện Đắk Mil phát hiện và bắt quả tang, tuy nhiên các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, do đó cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nhẹ hơn bị cáo Bùi Sỹ B là phù hợp.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Bùi Sỹ B là người có nhân thân xấu, ngày 04/4/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án số 26/20007/HSST; ngày 13/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án số 23/2016/HSST ngày 25/6/2017 chấp hành xong hình phạt, bị cáo chưa được xóa án tích. Ngày 26/5/2018 tiếp tục thực hiện hành vi Đánh bạc, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Trần Công B, Phan Đình C, Trần C là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Ba, Cường, Can. Bị cáo Trần Công B khi phạm tội đã 81 tuổi, do đó bị cáo được áp dụng điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phan Đình C là người có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, do đó bị cáo được áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho tất cả các bị cáo để giảm nhẹ phần nào trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

Đối với bị cáo Bùi Sỹ B phạm tội trong trường hợp tái phạm, do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo được việc giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với các bị cáo Trần Công B, Phan Đình C, Trần C có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần vi phạm phát luật này không có vi phạm nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự và không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cho các bị cáo được hưởng chế định án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình cũng đủ để các bị cáo cải tạo, học tập thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo kết quả xác minh bị cáo Trần Công B hiện không có tài sản gì giá trị, đang sống cùng con cháu và được con cháu nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo là phù hợp. Đối với bị cáo Phan Đình C qua kết quả xác minh có tài sản là đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 383, tờ bản đồ số 10, đất tại thôn Đức Hòa, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đối với bị cáo Trần C qua kết quả xác minh có tài sản là đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 17, tại Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đối với bị cáo Bùi Sỹ B qua kết quả xác minh có tài sản là đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 15, 16, 84, 85, tờ bản đồ số 32, tại Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Do đó, Hội đồng xét xử nghị nên cần áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Trong quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại số tiền 6.912.000 đồng (Sáu triệu chín trăm mười hai nghìn đồng) cho Trần Công B, 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) cho Phan Đình C, 11.559.000 đồng (Mười một triệu năm trăm năm mươi chín nghìn đồng) cho Trần C, 01 chiếc chiếu cói; 01 cái mền và 01 chiếc ca nhựa cho Nguyễn Văn T cho các chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp nên cần chấp nhận

- Đối với số tiền 7.770.000 đồng được sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

- Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ và 104 lá bài tú lơ khơ do các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[7] Đối với Nguyễn Văn T là người mua giúp bài, cho mượn địa điểm để các bị cáo đánh bạc, tuy nhiên quá trình điều tra đã chứng minh được Nguyễn Văn T không biết được mục đích của các bị can nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn T.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Công B, Phan Đình C, Trần C, Bùi Sỹ B phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, o khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Công B 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 1 khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Đình C 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần C 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trần Công B, Phan Đình C, Trần C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nơi bị cáo cư trú và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Sỹ B 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.5 Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Phan Đình C, Trần C, Bùi Sỹ B mỗi bị cáo số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng).

2. Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

2.1. Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại số tiền 6.912.000 đồng (Sáu triệu chín trăm mười hai nghìn đồng) cho Trần Công B, 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) cho Phan Đình C, 11.559.000 đồng (Mười một triệu năm trăm năm mươi chín nghìn đồng) cho Trần C, 01 chiếc chiếu cói; 01 cái mền và 01 chiếc ca nhựa cho Nguyễn Văn Thắng, là các chủ sở hữu hợp pháp do không liên quan đến việc phạm tội.

2.2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.770.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) được sử dụng vào việc đánh bạc.

2.3. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ; 104 lá bài tú lơ khơ do các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 19-10-2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Trần Công B, Phan Đình C, Trần C, Bùi Sỹ B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- Sở tư pháp tỉnh ĐắkNông;
- VKS ND huyện ĐắkMil;
- Đội điều tra Công an huyện ĐắkMil;
- Đội THAHS Công an huyện Đắk Mil;
- Bộ phận NVHS Công an huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA DS huyện ĐắkMil;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Đình Minh

